

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LẠC
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2021

V/v tranh chấp "Tranh chấp ly hôn,
nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Lầu

2. Ông Nông Văn Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị L, sinh năm 1981;

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn N, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N về chung sống với nhau từ năm 2002. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Thời gian đầu anh chị sống chung với nhau tại xóm NR, xã BT, huyện

BT, tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2014 chuyển về sống tại tổ dân phố A (trước đây là tổ dân phố B), thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Do kết hôn quá vội vàng nên vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tình cảm hai vợ chồng không được cải thiện, ngày càng diễn biến xấu đi. Anh N không quan tâm tới chị, không biết chia sẻ, hay uống rượu, bê tha, chị phát hiện anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi được tính nết, tình cảm không được cải thiện, quá sức chịu đựng của chị, chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Chị xác định tình cảm của chị dành cho anh N không còn nên yêu cầu được ly hôn.

* Về con chung: Có 02 (Hai) con chung, con cả tên là Nông Thị Tuyết N sinh ngày 17/10/2003, con út tên Nông Hồng T sinh ngày 07/02/2010. Hiện nay các cháu đang sống cùng với anh N tại tổ dân phố A, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải chị giành quyền trực tiếp nuôi con cho anh N, chị cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi, mỗi con mỗi tháng với số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa, chị giữ nguyên ý kiến, đồng ý với yêu cầu của anh N, cấp dưỡng cho cháu Nông Thị Tuyết N từ 19 tuổi đến đủ 23 tuổi với số tiền mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

* Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nông Văn N trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L về chung sống với nhau từ năm 2002. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Trước năm 2015 anh chị sống chung tại xóm NR, xã BT, huyện BT, tỉnh Cao Bằng. Sau đó, chuyển về sống tại tổ dân phố A (trước đây là tổ dân phố B), thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Cuộc sống chung ban đầu bình thường, không có mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Mâu thuẫn trong cuộc sống của anh chị phát sinh từ trước Tết Nguyên đán, chị L nghĩ anh có mối quan hệ bất chính vì anh hay ngồi uống rượu cùng với bạn bè, về đến nhà anh đi ngủ luôn không nói chuyện được với chị L nên chị L nghĩ anh không quan tâm đến vợ con. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh không đồng ý ly hôn với chị L vì anh vẫn còn tình cảm và không muốn làm tổn thương đến các con. Tại phiên tòa, anh đồng ý ly hôn với chị L.

* Về con chung: Có 02 (Hai) con chung, con cả tên là Nông Thị Tuyết N, sinh ngày 17/10/2003. Con út tên là Nông Hồng T, sinh ngày 07/02/2010. Hiện nay các cháu đang sống cùng với anh tại tổ dân phố A thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh N trình bày khi ly hôn anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con và yêu cầu chị L cấp dưỡng cho mỗi con với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, anh N yêu cầu chị L cấp dưỡng cho cháu N từ 19 tuổi đến khi cháu đủ 23 tuổi với số tiền mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật qua kiểm sát hồ sơ từ giai đoạn thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng và đầy đủ pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Xác định đúng thẩm quyền và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự.

* Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Hà Thị L được ly hôn anh Nông Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Nông Thị Tuyết N, sinh ngày 17/10/2003 và cháu Nông Hồng T, sinh ngày 07/02/2010 cho anh Nông Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị L cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.500.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, tổng là 3.000.000 đồng/ 01 tháng. Riêng cháu Nông Thị Tuyết N kể từ khi 19 tuổi đến đủ 23 tuổi chị L phải cấp dưỡng với số tiền là 2.000.000 đồng/ 01 tháng.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị L yêu cầu được ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Nông Văn N, anh N có địa chỉ tại tổ dân phố A, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Nông Văn N về chung sống với nhau từ năm 2002. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Cuộc sống chung của anh chị có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hiểu nhau, không quan tâm, chia sẻ, không tin tưởng lẫn nhau. Từ tháng 4/2021 anh chị sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị không hề có hành động nào thể hiện sự nỗ lực níu kéo tình cảm, ai biết bổn phận của người đó. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh N, tại phiên tòa anh N cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng cuộc sống hôn nhân của chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của

hôn nhân không đạt được. Việc chị L có yêu cầu được ly hôn là chính đáng nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 (Hai) con chung, con cả tên là Nông Thị Tuyết N, sinh ngày 17/10/2003. Con út tên là Nông Hồng T, sinh ngày 07/02/2010. Hiện nay các cháu đang sống cùng với anh N tại tổ dân phố A, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ đều có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét về hoàn cảnh thực tế hiện nay cả anh N và chị L đều có đầy đủ sức khỏe và khả năng nuôi con, cháu N và cháu T có nguyện vọng muốn bố mẹ giải hòa, muốn sống chung với cả bố và mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L giành quyền trực tiếp nuôi con cho anh N, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con, chị L đồng ý cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cần giao con chung là cháu Nông Thị Tuyết N và cháu Nông Hồng T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L cấp dưỡng nuôi con, mỗi con một tháng với số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Đối với cháu N, chị L cấp dưỡng nuôi con từ khi cháu 19 tuổi đến khi đủ 23 tuổi mỗi tháng với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được phép cản trở.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn chị Hà Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L; Chị Hà Thị L được ly hôn anh Nông Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị Tuyết N, sinh ngày 17/10/2003 và cháu Nông Hồng T, sinh ngày 07/02/2010 cho anh Nông Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị L cấp dưỡng nuôi con, mỗi con một tháng với số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Riêng đối với cháu Nông Thị Tuyết N, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu từ 19 tuổi đến khi cháu đủ 23 tuổi mỗi tháng với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Hà Thị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002927 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Chị Hà Thị L còn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Dương sự;
- UBND xã BT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tô Thị Thùy Ngân